



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05595/2026/PKQ/26.2998

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà
Địa chỉ: Xóm Vặt Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Thông tin mẫu: 260810.NSH.023 - NSH23: Tuyến ống truyền tải nước sạch cấp 2 số 1 (Điểm đồng hồ Hạ Đình, Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội)
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc: 10/08/2026
Thời gian thử nghiệm: 10/08/2026 - 25/08/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				260810.NSH.023	
Các thông số nhóm A					
1	Coliform tổng số ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.Coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	<1
3	Màu sắc ^(b)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15
4	Mùi ^(b)	Cảm quan	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,59	6 ÷ 8,5
6	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH (LOD=0,2)	2
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,01
8	Clo dư tự do ^(b)	mg/L	HD.QT.08-01-HT.02 (Ref: SMEWW 4500 - Cl G:2023)	0,57	0,2 ÷ 1
9	Permanganat ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	1,03	2
10	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,03)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

**PHÒNG PHÂN TÍCH
HOÁ - SINH**

ThS. Lê Thị Mai Anh

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vimcerts, các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.